

Bản án số **15/2021/DS-PT**  
Ngày 26-3-2021  
V/v “tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Hùng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Phúc; Bà Trần Thị Thiên Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T:** Bà Võ Thị Phương Linh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2021/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

Ông Lê Minh T, sinh năm: 1986; (có mặt)

Địa chỉ: Q7 Đặng Thai Mai, phường Phú Thủy, thành phố P, tỉnh T.

*2. Bị đơn:*

Tổng Công ty cổ phần M;

Địa chỉ: số 26 Tôn Thất Đạm, quận 1, thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.  
(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Tiến D, ông Nguyễn Đức H, ông Ngô Minh T (Văn bản ủy quyền ngày 03/9/2020); Ông Nguyễn Hoàng A (Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021).

Có mặt ông Ngô Minh T và ông Nguyễn Hoàng A.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Thu A – sinh năm: 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Q7 Đặng Thai Mai, phường Phú Thủy, thành phố P, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T, sinh năm: 1986, địa chỉ: Q7 Đặng Thai Mai, thành phố P, tỉnh T. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Tổng Công ty cổ phần M, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn trình bày:**

Ông Lê Minh T mua bảo hiểm tại Công ty M theo Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số: EPM/01713713 ngày 29/7/2019 với tài sản được bảo hiểm là Máy đào bánh lốp, nhãn hiệu HITACHI (90kw), năm sản xuất 2014, biển số 86LA-0263, số tiền mua bảo hiểm 5.600.000 đồng, mức khấu trừ bảo hiểm 5%, thời hạn bảo hiểm từ 12 giờ 00 phút, ngày 29/7/2019 đến 12 giờ 00 phút, ngày 28/7/2020 và số tiền được bảo hiểm là 1.400.000.000 đồng. Sau khi mua bảo hiểm ông Lê Minh T đã nộp đủ cho Tổng công ty cổ phần M số tiền 5.600.000 đồng vào ngày 29/7/2019.

Trong quá trình sử dụng thì xảy ra sự cố cháy xe, cụ thể: Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 31/8/2019 sau khi xe hoạt động về tập kết tại xã Hàm Chính, huyện B, tỉnh T thì xe tự bốc cháy nên ông T đã mời các cơ quan có chức năng đến xem xét thẩm định và theo Kết luận số 897/KL-PC07 ngày 26/9/2019 của Công an tỉnh T, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH nguyên nhân cháy xe máy đào Hitachi BKS 86LA – 0263:

- Vùng cháy đầu tiên là khu vực động cơ (phía sau cabin);
- Điểm xuất phát cháy đầu tiên tại vị trí cọc dương của bình ắc quy cách cửa sau ca bin là 1,58m, cách trục sau bánh xe bên trái là 1,02m.

**Nguyên nhân cháy:**

- Loại trừ nguyên nhân cháy do cháy lan, tác động từ ngoài vào;
- Nguyên nhân cháy do sự cố tại cọc dương bình ắc quy làm phát nhiệt gây cháy và cháy lan ra toàn bộ xe;

**Kết luận nguyên nhân cháy:** Do sự cố tại cọc dương bình ắc quy làm phát nhiệt gây cháy và cháy lan.

Do bị thiệt hại về tài sản nên ngày 28/3/2020 ông T đã làm giấy yêu cầu bồi thường, qua đó yêu cầu Tổng công ty cổ phần M bồi thường số tiền 1.400.000.000 đồng theo như hợp đồng bảo hiểm hai bên ký kết. Tuy nhiên Tổng công ty cổ phần M đã có Thông báo số 1256/2020-BM/TSKT ngày 08/6/2020 về việc thông báo kết quả xem xét giải quyết khiếu nại máy đào số 86A – 0263 và không chấp nhận bồi thường cho ông T số tiền 1.400.000.000 đồng.

Ông T cho rằng việc Tổng công ty cổ phần M từ chối bồi thường số tiền 1.400.000.000 đồng là không đúng vì theo hợp đồng bảo hiểm hai bên ký kết quy định quyền lợi được bảo hiểm như sau: “Tổn thất hoặc thiệt hại bất ngờ không lường trước được do bất kỳ nguyên nhân nào không loại trừ trong quy tắc bảo hiểm và các Điều khoản bổ sung kèm theo cho các máy móc được liệt kê dưới đây đặt tại khu vực địa điểm nêu trên”. Căn cứ vào quy định này thì Tổng công ty cổ phần M phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T toàn bộ tổn thất hoặc thiệt hại bất ngờ không lường trước được do bất kỳ nguyên nhân nào vì khi mua bảo hiểm, ông T chưa được đại diện Tổng công ty cổ phần M tư vấn giải thích cho ông T về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm cũng như các điều khoản loại trừ theo Quyết định số 0294/2018-BM/TSKT ngày 29/01/2018 của Tổng giám đốc, Tổng công ty cổ phần M và ông T cũng chưa được Tổng công ty cổ phần M giao Quyết định số 0294/2018-BM/TSKT ngày 29/01/2018 của Tổng giám đốc, Tổng công ty cổ phần M để ông T biết được các điểm loại trừ trong hợp đồng bảo hiểm.

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2020 ông T yêu cầu Tổng công ty cổ phần M phải bồi thường cho ông T số tiền 1.400.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông T căn cứ theo Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số: EPM/01713713 ngày 29/7/2019 có quy định mức khấu trừ 5% số tiền bồi thường nên ông T yêu cầu Tổng công ty cổ phần M phải bồi thường cho ông T số tiền 1.330.000.000 đồng.

#### **Bị đơn trình bày:**

Ngày 29/7/2019 ông Lê Minh T đã mua bảo hiểm tại Công ty M theo Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số: EPM/01713713 ngày 29/7/2019 với tài sản được bảo hiểm là Máy đào bánh lốp, nhãn hiệu HITACHI (90kw), năm sản xuất 2014, biển số 86LA-0263, số tiền mua bảo hiểm 5.600.000 đồng, mức khấu trừ bảo hiểm 5%, thời hạn bảo hiểm từ 12 giờ 00 phút, ngày 29/7/2019 đến 12 giờ 00 phút, ngày 28/7/2020 và số tiền được bảo hiểm 1.400.000.000 đồng. Sau khi mua bảo hiểm ông Lê Minh T đã nộp đủ cho Tổng công ty cổ phần M 5.600.000 đồng theo thông báo thu phí ngày 29/7/2019.

Tổng công ty cổ phần M thống nhất nguyên nhân cháy xe máy đào bánh lốp, biển số 86LA-0263 là do sự cố tại cộc dương bình ắc quy làm phát nhiệt gây cháy và cháy lan ra toàn bộ xe nhưng Tổng công ty cổ phần M không đồng ý bồi thường vì theo Kết luận số 897/KL-PC07 ngày 26/09/2019 của Phòng Cảnh sát, Phòng

cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh T đã kết luận nguyên nhân cháy: “Do sự cố tại cọc dương bình ắc quy làm phát nhiệt gây cháy và cháy lan”.

Lý do, Tổng công ty cổ phần M không đồng ý bồi thường số tiền được bảo hiểm 1.400.000.000 đồng là căn cứ Quyết định số 0294/2018-BM/TSKT ngày 29/01/2018 của Tổng giám đốc, Tổng công ty cổ phần M quy định sẽ không chịu trách nhiệm đối với: b) “Tồn thất hay thiệt hại do các hư hỏng, lỗi, nứt vỡ hoặc trục trặc về điện hay cơ học, đông đặc của chất làm mát hay chất lỏng khác, khiếm khuyết của việc tra dầu mỡ hay thiếu hụt dầu hoặc chất làm mát, nhưng nếu một tai nạn xảy ra là hậu quả của hư hỏng hay trục trặc đó cho tài sản bên ngoài khác được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm này thì các thiệt hại hậu quả đó sẽ được bồi thường”.

Nên việc Tổng công ty cổ phần M ra Thông báo số 1256/2020-BM/TSKT ngày 08/6/2020 để từ chối bồi thường cho ông Lê Minh T số tiền bảo hiểm 1.400.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy tắc bảo hiểm và pháp luật về kinh doanh bảo hiểm. Tại phiên tòa ông T căn cứ theo Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số: EPM/01713713 ngày 29/7/2019 có quy định mức khấu trừ 5% số tiền bồi thường nên yêu cầu Tổng công ty cổ phần M phải bồi thường cho ông T số tiền 1.330.000.000 đồng, Tổng công ty cổ phần M không đồng ý.

**Người làm chứng ông Nguyễn Hoàng N trình bày:**

Ngày 29/7/2020 ông Nguyễn Hoàng N đại diện cho Công ty M là người tư vấn và bán bảo hiểm cho ông Lê Minh T, khi bán bảo hiểm cho ông T, ông N chỉ tư vấn những vấn đề ông T hỏi chứ không tư vấn giải thích cho ông T hiểu toàn bộ các điều khoản loại trừ của hợp đồng bảo hiểm theo Quyết định số 0294/2018-BM/TSKT ngày 29/01/2018 của Tổng giám đốc, Tổng Công ty cổ phần M và khi giao hồ sơ bảo hiểm cho ông T cũng không thể hiện việc Công ty M giao Quyết định số 0294/2018-BM/TSKT ngày 29/01/2018 của Tổng giám đốc, Tổng công ty cổ phần M cho ông T để ông T biết được các điểm loại trừ khi bồi thường.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 93, Điều 147, Điều 174, Điều 199, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 385, Điều 404 của Bộ Luật dân sự;
- Các Điều 12, 17, 18, 19, 21, 46, 47, 48 của Luật kinh doanh bảo hiểm;
- Các Điều 2, 6, 7, 7A, 7B, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T. Buộc Tổng Công ty cổ phần M phải bồi thường cho ông Lê Minh T số tiền bảo hiểm là 1.330.000.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Tổng Công ty cổ phần M kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

- Tổng Công ty cổ phần M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã giải thích điều khoản loại trừ tại Quyết định số 0294/2018-BM/TSKT ngày 29/01/2018, do đó phía bị đơn căn cứ vào quyết định số 0294 để loại trừ nghĩa vụ chi trả bảo hiểm cho nguyên đơn là không có cơ sở. Mặt khác, tại Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số EPM/01713713 ngày 29/7/2019 không có thể hiện điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của công ty;

- Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định “*Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm...*”. Mặt khác, nội dung tại điểm b của quyết định số 0294 không rõ ràng, gây khó hiểu cho người mua bảo hiểm. Căn cứ theo quy định tại Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm “*Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua*”.

*bảo hiểm”* nhưng bị đơn không chứng minh được đã giải thích cho ông T về các điều khoản loại trừ hợp đồng;

- Dựa trên hồ sơ chứng cứ mà các bên cung cấp, nhận thấy theo hợp đồng bảo hiểm giao kết giữa hai bên thì số tiền bảo hiểm mà ông T mua bảo hiểm là 1.400.000.000 đồng. Trong trường hợp này, mức độ thiệt hại thực tế của xe máy đào Hitachi là thiệt hại toàn bộ 100%. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền bảo hiểm 1.400.000.000 đồng là nằm trong phạm vi bảo hiểm và có đủ cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận bảo hiểm ngày 29/7/2019 có quy định mức trừ khấu hao bảo hiểm 5% và tại phiên tòa ông T cũng đồng ý khấu trừ 5% số tiền bồi thường bảo hiểm nên cần thiết yêu cầu Tổng Công ty cổ phần M bồi thường số tiền bảo hiểm cho ông T là 1.330.000.000 đồng (đã khấu trừ 5%). Do đó, Tòa cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường cho ông Lê Minh T số tiền 1.330.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy các yêu cầu kháng cáo của bị đơn đều không có cơ sở. Bản án sơ thẩm số 62/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P tuyên là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên bác kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tổng Công ty cổ phần M kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Tòa án sơ thẩm xác định Công ty M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68, Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì Công ty M là chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty cổ phần M, không có tư cách pháp nhân nên không thể xác lập tư cách tố tụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để tránh sai sót tương tự.

[2] Xét kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần M:

2.1. Tổng Công ty cổ phần M thừa nhận ông Lê Minh T có mua bảo hiểm tại Công ty M T theo Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số: EPM/01713713 ngày 29/7/2019 với tài sản được bảo hiểm là Máy đào bánh lốp, nhãn hiệu HITACHI (90kw), năm sản xuất 2014, biển số 86LA-0263 như ông T

trình bày. Vì vậy, có cơ sở xác định giữa ông Lê Minh T và Tổng Công ty cổ phần M đã xác lập hợp đồng bảo hiểm tài sản. Hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm nên có hiệu lực.

2.2. Theo Kết luận số 897/KL-PC07 ngày 26/9/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh T xác định nguyên nhân cháy: Loại trừ nguyên nhân cháy do cháy lan, tác động từ ngoài vào; Nguyên nhân cháy do sự cố tại cọc dương bình ắc quy làm phát nhiệt gây cháy và cháy ra toàn bộ xe. Theo báo cáo ngày 12/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn giám định và tư vấn kỹ thuật xác định xe máy đào bánh lốp hiệu Hitachi, biển số 86LA-0263 được ông T mua bảo hiểm đã bị cháy vào ngày 31/8/2019, tổn thất được xác định là hư hỏng toàn bộ. Nguyên nhân cháy “Do sự cố tại cọc dương bình ắc quy làm phát nhiệt gây cháy và cháy lan”. Công ty trách nhiệm hữu hạn giám định và tư vấn kỹ thuật là đơn vị giám định do Tổng Công ty cổ phần M mời và không phản đối nội dung báo cáo của đơn vị giám định. Vì vậy có cơ sở khẳng định sự kiện bảo hiểm phát sinh.

2.3. Theo ông Lê Minh T trình bày quá trình xác lập hợp đồng bảo hiểm, đại diện Tổng Công ty cổ phần M không giải thích về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và cũng không được nhận quy tắc bảo hiểm. Theo ông Nguyễn Hoàng Nh trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2020 do Tòa án cấp sơ thẩm lập: khi bán bảo hiểm cho ông Lê Minh T vào ngày 29/7/2019, ông N chỉ tư vấn những vấn đề ông T cần hỏi chứ không giải thích toàn bộ các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số: EPM/01713713 là hợp đồng bảo hiểm nhưng không thể hiện “Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm”. Tổng Công ty cổ phần M không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã giải thích rõ cho ông Lê Minh T về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nên vi phạm khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm. Vì vậy, việc Tổng công ty cổ phần M từ chối bồi thường thiệt hại do Quyết định số 0294/2018-BM/TSKT ngày 29/01/2018 của Tổng giám đốc, Tổng công ty cổ phần M quy định sẽ không chịu trách nhiệm đối với: b) “Tổn thất hay thiệt hại do các hư hỏng, lỗi, nứt vỡ hoặc trục trặc về điện hay cơ học, đông đặc của chất làm mát hay chất lỏng khác, khiếm khuyết của việc tra dầu mỡ hay thiếu hụt dầu hoặc chất làm mát, nhưng nếu một tai nạn xảy ra là hậu quả của hư hỏng hay trục trặc đó cho tài sản bên ngoài khác được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm này thì các thiệt hại hậu quả đó sẽ được bồi thường”, là không có cơ sở.

2.4. Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số EPM/01713713 ngày 29/7/2019 thể hiện “Số tiền bảo hiểm” là 1.400.000.000 đồng, mức khấu trừ 5%, ngoài ra không có thông tin nào khác về số tiền được bồi thường khi sự kiện bảo hiểm xảy ra. Tại phiên tòa, ông T xác định việc ông mua bảo hiểm với mức bồi thường 1.400.000.000 đồng là để được bồi thường 100% số tiền trên nếu tài sản bị thiệt hại toàn bộ; Tổng Công ty cổ phần M cho rằng mặc dù công ty bán bảo hiểm theo mức khách hàng yêu cầu nhưng giả sử tổn thất máy đào của ông T thuộc phạm vi bảo

hiểm thì số tiền bồi thường tối đa cũng chỉ là 316.444.445 đồng. Xét thấy ý kiến của Tổng Công ty cổ phần M là không phù hợp. Bởi lẽ, Giấy chứng nhận bảo hiểm là thỏa thuận giữa công ty bảo hiểm với khách hàng. Tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”. Mặt khác, tại Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm” và Điều 41 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định “Số tiền bảo hiểm là số tiền mà bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm cho tài sản đó”. Như vậy, số tiền bảo hiểm 1.400.000.000 đồng được hiểu là số tiền Tổng công ty cổ phần M cam kết bồi thường cho người mua bảo hiểm khi tài sản được mua bảo hiểm bị thiệt hại toàn bộ, sau khi trừ 5%.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần M. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Tổng Công ty cổ phần M bồi thường cho ông Lê Minh T số tiền 1.330.000.000 đồng là có căn cứ, nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

[3] Về lãi suất chậm thi hành án: Bản án sơ thẩm tuyên “Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự” là chưa phù hợp hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên cần điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Tổng Công ty cổ phần M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Áp dụng Điều 3, Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 21, Điều 22, Điều 41 Luật Kinh doanh bảo hiểm



năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T. Buộc Tổng Công ty cổ phần M phải bồi thường cho ông Lê Minh T số tiền bảo hiểm là 1.330.000.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Tổng Công ty cổ phần M phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008201 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P. Tổng Công ty cổ phần M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/3/2021).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh T;
- TAND thành phố P;
- Chi Cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Vũ Đức Hùng**